

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng, khóa XIII về “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại
hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XIII về “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và tình hình thực tế của địa phương, Tỉnh ủy Đắk Lắk ban hành Chương trình thực hiện cụ thể như sau:

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau 20 năm thực hiện chủ trương, chính sách và mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu các ngành kinh tế của tỉnh Đắk Lắk đã có sự dịch chuyển tích cực theo hướng từng bước giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Giai đoạn 2001-2005, tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP (giá hiện hành) giảm dần, từ mức 77,32% năm 2000 xuống còn 64,38% năm 2005; công nghiệp - xây dựng tăng từ mức 7,97% năm 2000 lên 12,96% năm 2005; dịch vụ tăng từ mức 14,71% năm 2000 lên 22,66% năm 2005. Đến giai đoạn 2016-2020, tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GRDP (giá hiện hành) giảm dần, từ mức 45,41% năm 2015 xuống còn 41,52% năm 2020; công nghiệp - xây dựng giảm từ mức 15,64% năm 2015 xuống còn 15,43% năm 2020; dịch vụ tăng từ mức 35,32% năm 2015 lên 39,88% năm 2020.

Sản xuất nông nghiệp đạt được kết quả tích cực; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, theo chuỗi giá trị và nâng cao giá trị gia tăng. Việc xây dựng nông thôn mới tại tỉnh ngày càng đạt được nhiều kết quả khả quan; đến cuối năm 2022, tỉnh có 79/152 xã, 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới và 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Công nghiệp liên tục tăng trưởng cao, có bước chuyển biến tích cực về cơ cấu sản xuất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh; một số sản phẩm công nghiệp đã cạnh tranh được trên thị trường trong và ngoài nước. Đặc biệt, công nghiệp sản xuất và phân phối điện giai đoạn 2001-2020 dần trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn, chiếm tỷ trọng lớn trong phát triển ngành công nghiệp của tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 20 dự án thủy điện đang hoạt động với tổng công suất 833 MW, 02 dự án điện gió công suất 428,8 MW, 10 dự án nhà máy năng lượng mặt trời với công suất 960 MWp và 5.351 công trình điện mặt trời mái nhà với tổng công suất 650,138 MWp. Các ngành dịch vụ phát triển đa dạng, từng bước đáp ứng tốt hơn

nhu cầu của sản xuất và đời sống của người dân; trong đó, các ngành dịch vụ gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá như tài chính, ngân hàng, tư vấn pháp lý, bưu chính viễn thông... có bước phát triển nhanh.

Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm tỷ lệ lao động trong sản xuất thuần nông, tăng tỷ lệ lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ. Hệ thống kết cấu hạ tầng được củng cố và nâng cấp theo hướng chuẩn hóa, phát triển đồng bộ. Đến hết năm 2020, toàn tỉnh đã nhựa hóa, bê tông hoá được hơn 96% đường tỉnh lộ; 91% đường huyện; 64% đường xã, liên xã; 100% xã có đường nhựa đến trung tâm; Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột phục vụ 933.644 hành khách mỗi năm. Nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đa dạng; ngoài nguồn lực của Nhà nước còn có sự tham gia của toàn xã hội, đặc biệt là sự tham gia đóng góp tự nguyện của người dân với nhiều hình thức trong phát triển hạ tầng nông thôn và sự tham gia đầu tư của cộng đồng doanh nghiệp trong phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh. Văn hoá, xã hội, con người được quan tâm phát triển; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế như: Đóng góp của ngành nông nghiệp, một số lĩnh vực dịch vụ, nhất là du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của một số sản phẩm còn thấp. Công nghiệp - xây dựng tốc độ tăng trưởng chưa cao, quy mô chưa lớn. Giáo dục đào tạo và một số nội dung, hoạt động khoa học - công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu. Đời sống của một bộ phận Nhân dân vẫn còn khó khăn; tốc độ áp dụng và đổi mới công nghệ chậm; công tác quản lý tài nguyên, môi trường chưa hiệu quả.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên chủ yếu do: Nhận thức, lý luận, mô hình, mục tiêu, tiêu chí về công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn nhiều nội dung chưa rõ, chưa sát thực tiễn, còn chủ quan, duy ý chí. Chưa xác định rõ trọng tâm ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực còn nhiều hạn chế, chưa đồng bộ, hiệu quả; nguồn lực của Nhà nước bố trí cho phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo còn thấp, phân bổ, sử dụng chưa hiệu quả; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Cơ chế, chính sách vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; việc triển khai các cơ chế, chính sách còn hạn chế, nhất là thiếu nguồn vốn; hệ thống các tiêu chuẩn, định mức còn lạc hậu, không khuyến khích, thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục; năng lực cụ thể hoá, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng có mặt còn hạn chế. Công tác kiểm tra, giám sát trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, địa phương và người đứng đầu trong thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ TẦM NHÌN

1. Quan điểm

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; là nhiệm vụ trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hoà giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hoá, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải khai thác và phát huy tốt nhất mọi tiềm năng, lợi thế của đất nước, của từng vùng và địa phương; lợi thế của nền kinh tế đi sau và đang trong thời kỳ dân số vàng; kết hợp đồng bộ, hiệu quả giữa phát triển tuần tự với đi tắt đón đầu; chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam, tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, chú trọng đẩy mạnh dịch vụ hoá các ngành công nghiệp. Coi phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến là then chốt; chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.

- Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần có lộ trình và bước đi cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên nguồn lực, có các cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp để phát triển các cực tăng trưởng, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; tăng cường liên kết ngành và liên kết vùng; xác định nguồn lực trong nước là cơ bản, chiến lược, lâu dài và quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; doanh nghiệp trong nước (*bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân*) là động lực chính, chủ đạo; doanh nghiệp FDI có vai trò quan trọng, đột phá.

- Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả; khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần khởi nghiệp quốc gia, đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị tinh hoa văn hoá dân tộc, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam và truyền thống của giai cấp công nhân, vai trò xung kích, đi đầu của đội ngũ trí thức và doanh nhân Việt Nam.

2. Mục tiêu và tầm nhìn

2.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

- Xây dựng tỉnh Đắk Lắk cơ bản trở thành trung tâm Vùng, là tỉnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của khu vực Tây Nguyên, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là một trong những tỉnh đi đầu của khu vực trong các hoạt động ứng dụng khoa học - công nghệ và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, đời sống. Đảm bảo đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của Nhân dân đạt mức trung bình khá của cả nước. Tập trung phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm Vùng Tây Nguyên theo Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị.

- Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, toàn diện trên cơ sở tập trung, thu hút, huy động nguồn lực để phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, đó là 04 trụ cột tăng trưởng: *Phát triển các sản phẩm nông, lâm sản lợi thế quy mô lớn, chất lượng cao, xuất khẩu lớn; Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và sản xuất năng lượng tái tạo quy mô lớn; Kinh tế đô thị, hạ tầng số, hạ tầng thủy lợi; Dịch vụ-logistic-du lịch dựa trên nền tảng số, kinh tế số, xã hội số.*

2.2. Một số chỉ tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP - giá so sánh năm 2010) bình quân đạt 12%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 131 triệu đồng/người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 26,18%. Giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động hoạt động kinh tế còn khoảng 52% vào năm 2030.

- Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành): Nông, lâm, thủy sản chiếm 20,6%; công nghiệp - xây dựng chiếm 39,5%; dịch vụ chiếm 35%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 4,9%.

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP.

- Tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh đạt 47%.

- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom xử lý đạt 100%. Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường duy trì tỷ lệ 100%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt 95%.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng tỉnh Đắk Lắk thực sự là trung tâm của Vùng Tây Nguyên trên tất cả các lĩnh vực. Hình thành các vùng sản xuất lớn về cây công nghiệp, cây ăn quả và

trung tâm năng lượng tái tạo của vùng Tây Nguyên. Đảm bảo đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của người dân đạt mức khá của cả nước. Bản sắc văn hoá được phát huy và trở thành nền tảng để phát triển. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

- Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước giai đoạn 2021-2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước; chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải các-bon thấp; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hoá các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Giai đoạn 2031-2045, tập trung nâng cao chất lượng công nghiệp hoá và đẩy mạnh hiện đại hoá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội.

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, doanh nghiệp và người dân; cụ thể hoá các quan điểm, gắn kết các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với xây dựng và thực hiện pháp luật, chính sách, hệ thống quy hoạch quốc gia và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan. Thực hiện phân công, phân cấp triệt để trong quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; bảo đảm nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Nâng cao năng lực dự báo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên phạm vi cả nước, từng vùng và địa phương; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện.

- Tận dụng tối đa các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại và chuyển sang mô hình tăng trưởng xanh. Thực hiện tái cơ cấu kinh tế, tập trung vào ba (03) nội dung chủ yếu: Tái cơ cấu ngành kinh tế, tái cơ cấu vùng *(trong đó phát triển thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm vùng và các tiểu vùng của tỉnh)* và tái cơ cấu doanh nghiệp. Đổi mới mô hình tăng trưởng từ mô hình

tăng trưởng theo chiều rộng dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh Đắk Lắk

- Đi đôi với triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, rà soát, điều chỉnh, ban hành mới các chính sách của địa phương, tạo cơ chế huy động, thu hút mạnh mẽ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư cho phát triển. Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh, đầu tư các dự án có tính lưỡng dụng, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời bình và sẵn sàng chuyển sang phục vụ nhu cầu quốc phòng khi có tình trạng khẩn cấp. Ưu tiên quy hoạch phát triển mạng lưới khu, vùng nông nghiệp sạch gắn với ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Buôn Ma Thuột và một số huyện lân cận như Cư M'gar, Krông Pắc, Cư Kuin, Krông Ana, Buôn Đôn... Quy hoạch, xây dựng khu chăn nuôi tập trung tại các huyện Buôn Đôn, M'Drăk, Ea Súp, Krông Bông, Cư M'gar... gắn với liên kết mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Có cơ chế, chính sách nhằm phát huy vai trò của các trung tâm, các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để tích tụ, tập trung ruộng đất, hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất lớn các loại nông sản chủ lực, có ưu thế như: Cà phê, mắc ca, tiêu, bơ, sầu riêng, cây dược liệu, lúa, ngô; gia súc, gia cầm, thủy sản..., khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sản xuất nông nghiệp, chuyển mạnh sang hợp tác theo chuỗi liên kết từ sản xuất đến thị trường gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu.

- Việc phân bổ các nguồn vốn đầu tư phải gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu, chương trình, kế hoạch đã đề ra. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, tránh đầu tư dàn trải; kiên quyết chấm dứt tình trạng đầu tư kém hiệu quả. Tập trung nguồn lực đầu tư các dự án hạ tầng quan trọng, mang tính động lực, thúc đẩy cho phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ và tinh giản bộ máy, biên chế, thực hiện cải cách tiền lương.

3. Xây dựng nền công nghiệp vững mạnh, tự lực, tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng

- Đẩy nhanh thực hiện các chủ trương của Đảng về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia. Tiếp tục cơ cấu lại ngành công nghiệp; thực hiện điều chỉnh phân bổ không gian phát triển công nghiệp của tỉnh theo hướng gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế trọng điểm,

phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, lợi thế của vùng Tây Nguyên, bảo đảm tính chuyên môn hoá cao, tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng; hình thành cụm liên kết ngành công nghiệp, khu công nghiệp, trọng tâm là hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp; xây dựng và triển khai có hiệu quả quy hoạch vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, nhất là đối với ngành chế biến nông sản, thực phẩm.

- Phát triển hợp lý các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ, có tỷ trọng giá trị gia tăng cao. Tập trung phát triển bền vững ngành công nghiệp năng lượng tái tạo như điện năng lượng mặt trời, điện gió, điện sinh khối tại địa bàn có tiềm năng. Khuyến khích, kêu gọi đầu tư kết cấu hạ tầng công nghệ - thông tin; xây dựng cơ chế, chính sách thu hút các công ty công nghệ - thông tin, sản xuất phần mềm đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại tỉnh. Xây dựng, hoàn thiện các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch; đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là những mặt hàng chủ lực, có thế mạnh. Xác định cà phê là ngành hàng mang lại giá trị kinh tế cao; chú trọng xây dựng thương hiệu Cà phê Buôn Ma Thuột, phát triển cà phê đặc sản hướng đến mục tiêu *"Đắc Lắc là điểm đến của cà phê thế giới"*. Từng bước chuyển đổi cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng hàng chế biến sâu, giảm tỷ lệ sơ chế và xuất thô.

4. Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng kết nối nông thôn với đô thị, nhất là hạ tầng thủy lợi, giao thông vận tải, hạ tầng thương mại, kho bãi, bảo quản, chế biến nông sản; đẩy nhanh xây dựng hạ tầng số và dữ liệu số nông nghiệp, nông thôn; nâng cấp, hiện đại hoá và phát triển sàn giao dịch cho các nông sản chủ lực. Hình thành các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hoá chất và công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản. Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn gắn với công nghiệp chế biến và thị trường. Thực hiện chuyển đổi số có hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn thúc đẩy cơ giới hoá đồng bộ, hiện đại hoá trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, tổ chức lại

sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên bố trí nguồn lực và có cơ chế, chính sách đặc thù để xã hội hoá, thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025.

- Thúc đẩy dịch vụ hoá các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; tiếp tục cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển dịch vụ công nghệ cao, các loại dịch vụ mới của nền kinh tế số. Phát triển cảng cạn, kết nối cảng cạn với phát triển khu, cụm công nghiệp, cửa khẩu, phục vụ cho hàng hóa xuất, nhập khẩu của tỉnh, phát triển dịch vụ logistics. Quan tâm đầu tư nâng cấp kho, bãi hàng đủ tiêu chuẩn để cung cấp dịch vụ dùng chung cho tất cả các doanh nghiệp vận tải hàng hóa và khách hàng; nâng cấp Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột thành Cảng Hàng không Quốc tế, giữ vai trò quan trọng trong mạng lưới giao thông tại tỉnh và khu vực Tây Nguyên. Xây dựng hệ sinh thái đồng bộ, hiện đại hoá và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, y tế và chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, công nghiệp văn hoá và dịch vụ văn hoá, thể thao, dịch vụ thương mại...

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các nghị quyết, văn bản của Trung ương, của tỉnh về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, xây dựng xã hội học tập. Triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các trường phổ thông. Hình thành các chương trình về đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, lao động có kỹ năng, chuyên môn cao. Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo chuyên gia, nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ lao động nông thôn; tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề; phát triển nhân lực nghiên cứu, chuyên gia trong nông nghiệp. Khuyến khích phát triển các nền tảng dạy và học trực tuyến mở, các mô hình đại học mới thích ứng với quá trình chuyển đổi số. Tích cực đề xuất, tạo điều kiện để nâng cấp, phát triển Trường Đại học Tây Nguyên đạt chuẩn khu vực. Nghiên cứu, đề xuất, triển khai thành lập các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành, đa ngành... tập trung đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và định hướng xuất khẩu.

- Quan tâm hỗ trợ, nâng cao năng lực hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh; trong đó, chú trọng hỗ trợ nâng cao năng lực hệ sinh thái khởi nghiệp của các viện, trường. Nghiên cứu thành lập Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới

sáng tạo; thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư phát triển công nghiệp phần mềm; phát huy hiệu quả hoạt động của Quỹ Khởi nghiệp, Quỹ Hỗ trợ doanh nghiệp. Nâng cao vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, tổ chức xã hội trong tham gia hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp. Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; ưu tiên phát triển các hợp tác xã kiểu mới thu hút được số đông người dân tham gia theo cụm liên kết ngành, tạo chuỗi giá trị bền vững cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có quy mô lớn, có sức lan tỏa gắn với tăng cường liên doanh, liên kết giữa các tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ công nghệ, khoa học, kỹ thuật. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo cơ sở đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển mạnh mẽ dịch vụ khoa học công nghệ; bổ sung chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp trở thành chủ thể chính của thị trường khoa học công nghệ, tích cực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, phát triển công nghiệp phần mềm, nâng cao năng lực quản trị sản xuất - kinh doanh. Nâng tỷ trọng các yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng kinh tế; tiếp tục đầu tư tiềm lực cho các cơ quan chuyên môn và nghiên cứu khoa học đủ mạnh để tiếp cận với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

- Ưu tiên đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối hệ thống giao thông với các tỉnh lân cận, khu vực và quốc tế bằng đường bộ, đường sắt và đường hàng không. Xác định thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ; các thị trấn; các tuyến hành lang quốc lộ 14, quốc lộ 26, quốc lộ 27, quốc lộ 29, đường Trường Sơn Đông, các huyện phía Tây đường Hồ Chí Minh là các hạt nhân phát triển, vùng kinh tế động lực của tỉnh. Ưu tiên nguồn lực đầu tư để thành phố Buôn Ma Thuột sớm trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên, trung tâm dịch vụ, tài chính, công nghệ cao của tỉnh trên cơ sở khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng lợi thế, nhất là tài nguyên thiên nhiên, các giá trị văn hóa, lịch sử, vị trí địa lý trung tâm theo Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị, nhằm tạo động lực phát triển tỉnh trong thời gian tới; tạo sự kết nối với các huyện, thị xã trong tỉnh, các thành phố trong khu vực và cả nước.

- Xây dựng, nâng cấp thị xã Buôn Hồ trở thành đô thị loại III vào năm 2025, là đô thị trung tâm tiểu vùng phía Bắc của tỉnh. Triển khai xây dựng, từng bước hoàn thiện, đảm bảo điều kiện để huyện Ea Kar trở thành thị xã Ea Kar với chức năng là đô thị trung tâm tiểu vùng phía Đông của tỉnh. Đồng thời, triển khai thực

hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 (*Chương trình số 31-CTr/TU, ngày 09/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*) nhằm phát triển các đô thị đồng bộ, bền vững; tạo sự gắn kết, hỗ trợ cùng phát triển giữa các đô thị; tăng cường mối liên kết giữa các đô thị với khu vực nông thôn. Tăng cường liên kết hội nhập kinh tế khu vực, quốc tế để tham gia và nâng dần vai trò của tỉnh trong chuỗi giá trị toàn cầu, khẳng định vị thế của tỉnh đối với vùng Tây Nguyên, khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam cũng như khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và các vùng khác trong cả nước.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, số hóa tài liệu cơ quan nhà nước, công dân số, dữ liệu doanh nghiệp tiến tới Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia; hoàn thiện các chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ công. Quan tâm phát triển, cung ứng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. Tiếp tục duy trì, vận hành có hiệu quả các dịch vụ đô thị thông minh.

- Quan tâm nguồn lực để đầu tư phát triển văn hóa; nâng cao chất lượng các danh hiệu văn hóa; triển khai hiệu quả việc bảo tồn, phát huy văn hóa cộng đồng; bảo vệ các di sản văn hóa; phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành quy hoạch, trùng tu, tôn tạo các di tích: Di tích quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột, Di tích quốc gia Khu căn cứ kháng chiến tỉnh Đắk Lắk (1965-1975) tại huyện Krông Bông, Di tích lịch sử Sở Chỉ huy - Nơi công bố Quyết định thành lập Quân đoàn 3 tại huyện Ea H'Leo... Đầu tư xây dựng Khu Liên hợp thể thao Vùng Tây Nguyên. Tăng cường quản lý nhà nước đối với lễ hội; sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hoá ở cơ sở. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong lĩnh vực thể thao; tập trung phát triển các môn thể thao trọng điểm trong nhóm môn Olympic.

- Khuyến khích, hỗ trợ tối đa để hình thành các khu du lịch lớn như: Khu du lịch nghỉ dưỡng, sân golf hồ Ea Kao thành phố Buôn Ma Thuột; Khu du lịch Yok Đôn; Khu du lịch Hồ Lắk; Khu du lịch Rừng quốc gia Cư Yang Sin... gắn với đầu tư, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.

7. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt chủ trương của Đảng về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp tư nhân, thu hút FDI. Xây dựng, triển khai định hướng phát triển một số doanh nghiệp nhà

nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò dẫn dắt, trụ cột trong một số lĩnh vực quan trọng của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá như năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, kết cấu hạ tầng...

- Đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về *“Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”*; thường xuyên theo dõi, kịp thời xử lý những vướng mắc sau khi chuyển đổi, cổ phần hóa, giải thể doanh nghiệp nhà nước, các công ty nông nghiệp.

- Ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ cao, bảo đảm tiêu chuẩn về môi trường, thu hút lao động có kỹ năng của các công ty đa quốc gia lớn gắn với yêu cầu phải chuyển giao tri thức, công nghệ và quản trị; nâng cao tỷ lệ nội địa hoá.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

8. Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhanh, bền vững

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính theo nguyên tắc thị trường. Tiếp tục đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hoá, thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo hướng lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân; ưu tiên nguồn lực tài chính nhà nước đầu tư cho phát triển hạ tầng liên kết vùng, hạ tầng năng lượng, chuyển đổi số, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Nâng cao hiệu quả đầu tư công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Đẩy nhanh cơ cấu lại thị trường tài chính, tiền tệ đáp ứng yêu cầu huy động và sử dụng vốn có hiệu quả; phát triển thị trường chứng khoán bền vững, trở thành kênh huy động quan trọng vốn trung và dài hạn cho thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Phát triển, nâng cao chất lượng các dịch vụ tín dụng - ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Tăng cường công tác chống thất thu thuế, quản lý thị trường, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, hàng giả; tập trung thu hồi nợ đọng thuế.

- Sử dụng hiệu quả chính sách đặt hàng sản xuất và chính sách mua sắm công để thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ và sản xuất.

9. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững. Kiểm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, suy giảm tài nguyên rừng, tài nguyên nước nhằm đảm bảo chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thành điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường. Xây dựng phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai, quản lý, khai thác, chế biến khoáng sản và bảo vệ môi trường giai đoạn 2021-2030 đảm bảo tạo quỹ đất thu hút đầu tư, tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ về tài nguyên và môi trường.

10. Phát huy giá trị văn hoá, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo đảm tốt an sinh xã hội

- Thực hiện tốt các chính sách dân tộc và triển khai có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Đổi mới phương pháp, nội dung vận động; phát huy tối đa vai trò của già làng, những cá nhân tiêu biểu, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, vận động đồng bào tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp đi đôi với tiếp thu tinh hoa văn hóa của dân tộc, của thế giới, xây dựng cuộc sống văn minh, hiện đại.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với tôn giáo cho đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp và trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo. Kịp thời giải quyết các nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng theo đúng quy định của Nhà nước. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, phát hiện và kịp thời xử lý các hoạt động vi phạm pháp luật, không để phát sinh điểm nóng. Góp phần xây dựng, phát huy, tăng cường khối đại đoàn kết giữa các tôn giáo, các dân tộc và toàn xã hội.

- Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm, công tác tư vấn hướng nghiệp, nâng cao năng lực của hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm. Tiếp tục mở rộng thị trường và cơ hội việc làm cho người lao động; tập trung phát triển đào tạo lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường hội nhập và xu thế phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo nghề. Thực hiện tốt các chính sách an sinh

xã hội, chăm lo đời sống người có công; phát triển hệ thống bảo trợ xã hội, cung cấp các dịch vụ trợ giúp xã hội cho đối tượng có nhu cầu, nhất là trẻ em, người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, tập trung ưu tiên nguồn lực để giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo. Xây dựng chính sách hỗ trợ tạo việc làm, an sinh xã hội đối với các nhóm lao động yếu thế, dễ bị tổn thương do tác động của tái cấu trúc kinh tế, hội nhập và ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới. Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em; bình đẳng giới.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế; tập trung phát triển hệ thống y tế dự phòng; củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, mạng lưới y tế từ tỉnh đến huyện, xã theo hướng tinh gọn, hiệu quả; quyết liệt thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đầu tư, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến. Thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục nhanh tình trạng quá tải trong bệnh viện, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Tăng cường đào tạo, có cơ chế thu hút, phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng nhằm đảm bảo chỉ tiêu về số lượng bác sỹ/vận dân. Quan tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, chủ động phòng bệnh, không để xảy ra dịch bệnh lớn.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch học tập, tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Bộ Chính trị và Chương trình này.

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hóa và triển khai thực hiện Chương trình này; ưu tiên bố trí nguồn lực cho thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhất là phát triển hài hòa khu vực nông thôn và đô thị các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn phục vụ phát triển nhanh, bền vững; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình này.

3. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp của tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về nội dung cơ bản của Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Bộ Chính trị và Chương trình này; đồng thời, căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể để triển khai thực hiện phù hợp với từng địa phương, đơn vị, lĩnh vực.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường

công tác tuyên truyền, vận động về nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân; nghiên cứu, xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Bộ Chính trị và Chương trình này đảm bảo quy định.

5. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình này.

Nơi nhận:

- Văn phòng TW Đảng,
 - Ban Kinh tế TW,
 - Ban cán sự đảng Chính phủ,
 - Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
 - Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy,
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam
- và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các sở, ban, ngành,
 - Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy
- và đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy(hn).

(để b/c)

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ



Phạm Minh Tấn